TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tư

Bà Lý Thị Thiên Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Nhật Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; nơi ĐKHKTT: Số 3C/311 Tập thể C, phường C, quận N, thành phố H; nơi tạm trú: Thôn Đ, Xã D, thành phố B, tỉnh B; vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Hùng T1; nơi cư trú: Số 3C/311 Tập thể C, phường C, quận N, thành phố H; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2022 và bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 2006, chị và anh Lê Hùng T1 lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam, có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 11 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hơn nữa chị không tin tưởng anh T1 trong tình cảm và anh thường xuyên đánh đập chị. Chính vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, từ năm 2012 đến nay, chị và anh T1 sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm, kinh tế. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hùng T1.

- Về con chung: Chị và anh T1 có một con chung là Lê Thị Kim A, sinh ngày 13/9/2007. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con cho chị nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị xác nhận chị và anh Lê Hùng T1 không có tài sản chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Hùng T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lê Hùng T1 vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không lấy được lời khai của anh Lê Hùng T1.

* Tòa án đã thu thập chứng cứ tại địa phương cũng như gia đình chị Nguyễn Thị T và anh Lê Hùng T1 thể hiện: Về nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được. Tuy nhiên, từ nhiều năm nay chị Nguyễn Thị T đã ly thân không còn chung sống với anh T1 tại địa phương. Hiện tại anh T1 vẫn đang sinh sống tại nhà số 3C/311 Tập thể Cảng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Nay, chị T có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; về con chung: Anh, chị có một con chung là Lê Thị Kim A, sinh ngày 13/9/2007. Khi ly hôn việc giao con cho ai nuôi, Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật; về tài sản chung: Địa phương không nắm được nên không có ý kiến.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng đã có quan điểm giải quyết vụ án và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; anh Lê Hùng T1 đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt lần hai không có lý do. Tòa án công bố lời khai của chị Nguyễn Thị T.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Hùng T1; về việc nuôi con: Giao con chung là Lê Thị Kim A, sinh ngày 13/9/2007 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị T không yêu cầu tòa án giải quyết; về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị Nguyễn Thị Phượng phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là quan hệ pháp luật về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Lê Hùng T1 cư trú tại địa bàn quận Ngô Quyền nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn:

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[3] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Lê Hùng T1 vắng mặt không có lý do, không có căn cứ bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Hùng T1 được xác lập từ ngày 14 tháng 11 năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị T và anh Lê Hùng T1 sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Chính vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng và trầm trọng, từ năm 2012 đến nay, chị và anh T1 sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm, kinh tế. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Xét mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Hùng T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[6] Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Hùng T1 có 01 con chung là Lê Thị Kim A, sinh ngày 13/9/2007. Hội đồng xét xử xét: Từ thời điểm anh chị sống ly thân đến nay mặc dù cháu Lê Thị Kim A vẫn ở với anh T1, chị T và anh T1 vẫn có trách nhiệm chăm sóc con chung. Tuy nhiên để thuận tiện trong việc giáo dục giới tính cũng như nguyện vọng của cháu Lê Thị Kim A có nguyện vọng được ở với chị T nên giao con Lê Thị Kim A cho chị T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[8] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[9] Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Hùng T1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Hùng T1.

2. Về việc nuôi con: Giao con chung là Lê Thị Kim A, sinh ngày 13/9/2007 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị T không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006719 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Hùng T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường C, quận N, thành phố Hải Phòng (GCNKH ngày 14/11/2006);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (GCNKH ngày 14/11/2006);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng